

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Số: 2302/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong
lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3554/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2017 và ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 3463/VPUB-KSTTHC ngày 16 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục hành chính được bổ sung mới trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TH, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KSTTHC. XS

CHỦ TỊCH

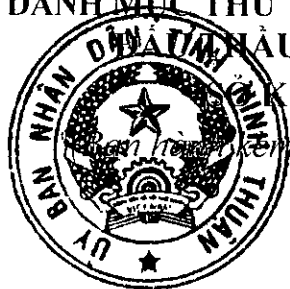


Lưu Xuân Vĩnh



PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN



theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 04/12/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
I. Lĩnh vực lựa chọn nhà đầu tư	
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
II. Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư	
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư
2	Thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi nhóm A, B
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư
4	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư
5	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đầu tư
III. Lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

I. LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

THỦ TỤC 1. GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

- Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ (01 bộ):

Văn bản kiến nghị.

4. Thời hạn giải quyết:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Giải quyết kiến nghị:

+ Bên mời thầu: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

+ Người có thẩm quyền: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Bên mời thầu (cơ quan thuộc UBND tỉnh được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu)

- Người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND cấp tỉnh).

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu, người có thẩm quyền.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

THỦ TỤC 2. GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VỀ KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

- Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được

văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

- Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ (01 bộ):

- Văn bản kiến nghị;
- Văn bản báo cáo người có thẩm quyền của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;
- Quyết định giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.

4. Thời hạn giải quyết:

- Gửi văn bản kiến nghị: 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Giải quyết kiến nghị:
 - + Bên mời thầu: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

+ Hội đồng tư vấn: giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

- Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

+ Người có thẩm quyền: 07 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

5. Cơ quan thực hiện:

- Bên mời thầu (cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu),

- Người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND cấp tỉnh);

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

8. Lệ phí, chi phí: Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP).

THỦ TỤC 1. THỦ TỤC THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư lập đề xuất dự án gửi UBND tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thẩm định đề xuất dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề xuất dự án.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ (bằng văn bản) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 01 bộ gửi đơn vị thẩm định):

a) Thẩm định:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;

- Đề xuất dự án, bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP;

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư;

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

b) Phê duyệt:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;

- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ);

- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.

- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);

- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có);

- Báo cáo thẩm định dự án;

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 16 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định đề xuất dự án;

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, cụ thể:

Dự án được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;

- Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;

- Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng;

- Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng O&M và dự án quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;

- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

THỦ TỤC 2. THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN NHÓM A, B

1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ (bằng văn bản) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: 05 bộ hồ sơ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định):

a. Thẩm định:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

b. Phê duyệt:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Dự thảo Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Văn bản thỏa thuận giữa UBND cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan;
- Văn bản thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án nhóm A:

- + Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đối với dự án nhóm B:

- + Trong thời hạn 16 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Thẩm định:

- Đối với dự án nhóm A và nhóm B: Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP là Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định.

b) Phê duyệt:

- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

THỦ TỤC 3. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Cách thức thực hiện: Nhà đầu tư nộp hồ sơ (bằng văn bản) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: 05 bộ hồ sơ (trong đó: 1 bộ gốc và 04 bộ bản sao).

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- Thỏa thuận đầu tư và dự thảo hợp đồng dự án;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định phê duyệt dự án;
- Văn bản chấp thuận chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có);
- Hợp đồng liên doanh và dự thảo điều lệ doanh nghiệp dự án (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà đầu tư.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố nơi dự kiến thực hiện dự án về những nội dung thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quy định được hỏi có ý kiến về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của các Sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục hành chính;

- UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trừ các Dự án quan trọng quốc gia; các dự án mà Bộ, ngành hoặc cơ quan được ủy quyền của Bộ, ngành là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án; các dự án được thực hiện trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Bộ kế hoạch và Đầu tư).

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 1 Phụ lục II Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP;

- Thông tư số 06/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 15/CP của Chính phủ.

Mẫu số 1

**Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ và tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):

Giới tính:.....Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:

Fax (nếu có):

Email (nếu có)

Website (nếu có):

Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

Tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):

Giấy tờ chứng thực việc thành lập:

Số giấy chứng thực:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:.....Fax (nếu có):

Email (nếu có).....Website (nếu có):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và Tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo: (thông tin đăng ký tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất)

II. ĐĂNG KÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (nội dung đăng ký dự án đầu tư theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; và văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư):

1. Dự án đầu tư: Dự án đầu tư (tên dự án) thực hiện trên cơ sở hợp đồng (loại hợp đồng) ký kết với (tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), có trụ sở chính tại (địa chỉ trụ sở chính Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), (Điện thoại, Fax) đại diện bởi (Họ và tên, chức danh người đại diện ký kết Hợp đồng dự án) theo Giấy ủy quyền (Số Giấy ủy quyền - nếu có).

2. Địa Điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa Điểm thực hiện dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu, quy mô dự án; yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình kết cấu hạ tầng và dịch vụ cung cấp:

4. Tổng vốn đầu tư: (ghi bằng VNĐ và giá trị tương đương USD), trong đó:

a) Tổng vốn đầu tư (ghi rõ cơ cấu hạng Mục chi phí):

b) Nguồn vốn:

- Vốn chủ sở hữu:

Giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư:

Giá trị, tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:

- Vốn do nhà đầu tư huy động:

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có), bao gồm giá trị, tỷ lệ, tiến độ, phương thức và Điều kiện giải ngân:

5. Thời hạn và tiến độ thực hiện Dự án:

a. Tiến độ xây dựng (*ghi cụ thể tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng*):

- Tiến độ giải phóng mặt bằng: kể từ đến.....

- Tiến độ xây dựng: kể từ đến.....

b. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (*ghi cụ thể tiến độ theo phân kỳ đầu tư*):

c. Thời gian kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác Công trình:

d. Thời gian chuyển giao công trình (nếu có):

đ. Thời gian bảo hành công trình sau khi chuyển giao (nếu có):

6. Điều kiện thực hiện dự án:

- Điều kiện kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng (*đối với hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT và các hợp đồng tương tự khác*):

- Điều kiện thực hiện Dự án khác (*đối với hợp đồng BT*), bao gồm Điều kiện sử dụng đất:

- Các nội dung khác:

7. Kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ, bảo đảm đầu tư và cơ sở pháp lý (nếu có).

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ dự án.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

NHÀ ĐẦU TƯ

(*Từng nhà đầu tư ký và ghi họ tên, chức danh và đóng dấu, nếu có*)

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao chứng minh thư hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân đối với nhà đầu tư là thể nhân; Giấy tờ chứng thực việc thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là pháp nhân;

- Thỏa thuận đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 15/CP của Chính phủ dự thảo hợp đồng dự án theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này; và dự thảo các hợp đồng liên quan đến việc thực hiện dự án (nếu có);

- Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/CP của Chính phủ (nếu có);

- Hợp đồng liên doanh giữa các nhà đầu tư và dự thảo Điều lệ doanh nghiệp dự án (nếu có);

- Bản sao hợp lệ văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đàm phán hợp đồng dự án của người có thẩm quyền.

Mẫu số 2

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐKĐT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Số.....

Chứng nhận lần đầu: Ngày tháng năm

Chứng nhận thay đổi lần thứ: Ngày tháng năm

Chứng nhận thay đổi lần thứ: Ngày tháng năm

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 15/CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP;

Căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của.;

Căn cứ văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số ngày..... của.....;

Căn cứ văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số... ngày... của...; Quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi số ... ngày... của...; và hồ sơ dự án kèm theo do nộp ngày, và hồ sơ bổ sung nộp ngày..... (nếu có),

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Chứng nhận:

Nhà đầu tư: (trường hợp có nhiều Nhà đầu tư khác nhau, phải ghi rõ thông tin của từng Nhà đầu tư).

Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ và tên (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (*ghi nội dung tương ứng trong Mẫu số 1*):
 Chỗ ở hiện tại (*ghi nội dung tương ứng trong Mẫu số 1*):
 Đối với nhà đầu tư là tổ chức:
 Tên (*ghi đầy đủ bằng chữ in hoa*):
 Giấy tờ chứng thực việc thành lập:
 Số giấy chứng thực:
 Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính (*ghi nội dung tương ứng trong Mẫu số 1*):
 Người đại diện theo pháp luật:
 Họ và Tên (*ghi đầy đủ bằng chữ in hoa*):
 Giới tính:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:.....

Đăng ký thực hiện Dự án với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án (*nội dung đăng ký dự án đầu tư theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; và văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*):

1. Dự án: Dự án (*tên dự án*) thực hiện trên cơ sở hợp đồng (*loại hợp đồng*) ký kết với..... (*tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền*), có trụ sở chính tại (*địa chỉ trụ sở chính Cơ quan nhà nước có thẩm quyền*), (*Điện thoại, Fax*) đại diện bởi (*Họ và tên, chức danh người đại diện ký kết hợp đồng dự án*) theo Giấy ủy quyền (*Số Giấy ủy quyền - nếu có*).

2. Địa Điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa Điểm thực hiện dự án:
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu, quy mô dự án; yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình kết cấu hạ tầng và dịch vụ cung cấp:

4. Tổng vốn đầu tư (*ghi bằng VNĐ và giá trị tương đương USD*), trong đó:

- Vốn chủ sở hữu:
- + Giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư:
- + Giá trị, tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:
- Vốn do nhà đầu tư huy động:
- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có), bao gồm giá trị, tỷ lệ, tiến độ, phương thức và Điều kiện giải ngân:

5. Thời hạn và tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ xây dựng (*ghi cụ thể tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng*):

- Tiến độ giải phóng mặt bằng: kể từ đến.....

- Tiến độ xây dựng: kể từ đến.....

b. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (*ghi cụ thể tiến độ theo phân kỳ đầu tư*):

c. Thời gian kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình:

d. Thời gian chuyển giao công trình (nếu có):

đ. Thời gian bảo hành công trình sau khi chuyển giao (nếu có):

6. Điều kiện thực hiện dự án:

- Điều kiện kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng (*đối với hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT, và các hợp đồng tương tự khác*):

- Điều kiện thực hiện Dự án khác (*đối với hợp đồng BT*), bao gồm Điều kiện sử dụng đất:

- Các nội dung khác:

Điều 2. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (nếu có):

1. Ưu đãi đầu tư:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:.....

- Đối tượng và Điều kiện hưởng ưu đãi (*nếu có*):.....

2. Hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (*nếu có*):

Điều 3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành (...) bản gốc: 01 bản lưu tại Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, 01 bản cấp cho Doanh nghiệp dự án (nếu có), ... bản cấp cho Nhà đầu tư (mỗi Nhà đầu tư một bản), 01 bản gửi đến ... (*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án*) và sao gửi đến: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trường hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư không phải là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư), Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh nơi thực hiện Dự án và các Bộ, Ngành, cơ quan khác đã tham gia ý kiến trong quá trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

THỦ TỤC 4. ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo về các nội dung điều chỉnh cho Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu, văn bản liên quan đến việc điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án để lưu hồ sơ và thực hiện hoạt động giám sát đầu tư;

- Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định;

- Việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thực hiện theo quy định sau đây:

+ Nhà đầu tư nộp 05 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ gốc và 04 bộ bản sao đến Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục tương ứng về lấy ý kiến các cơ quan liên quan đến nội dung điều chỉnh theo thủ tục quy định tại các Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ: 05 bộ hồ sơ (trong đó: 01 bộ gốc và 04 bộ bản sao).

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo về các nội dung điều chỉnh đến Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký đầu tư kèm theo tài liệu, văn bản liên quan đến việc điều chỉnh dự án hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án;

- Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận

đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng dự án;

+ Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án);

+ Bản sao hợp lệ quyết định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án do điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi);

+ Thỏa thuận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án);

+ Thỏa thuận về việc tiếp nhận dự án của bên cho vay và bản sao hợp lệ chứng nhận thành lập của bên cho vay hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác (đối với trường hợp bên cho vay tiếp nhận dự án).

b) Số lượng hồ sơ:

- 01 bộ hồ sơ (đối với trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư);

- 05 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ gốc và 04 bộ bản sao (trường hợp Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT).

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư); Sở Kế hoạch và Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh.

- Trong thời hạn 13 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng dự án làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Trong thời hạn 05 ngày nhận được hồ sơ Sở Kế hoạch và Đầu tư trình, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục hành chính;

- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận điều chỉnh (đối với: Dự án quan trọng quốc gia; các dự án mà Bộ, ngành hoặc cơ quan được ủy quyền của Bộ, ngành là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án; các dự án được thực hiện trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh đăng ký đầu tư của Bộ kế hoạch và Đầu tư).

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Lưu hồ sơ để thực hiện giám sát đầu tư;

- Giấy chứng nhận đầu tư được điều chỉnh.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục II Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP;

- Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 15/CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Mẫu số 3

Văn bản đề nghị Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp) với nội dung sau:

1. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DỰ ÁN:

Những nội dung đề nghị Điều chỉnh (chỉ ghi những nội dung đề nghị Điều chỉnh và giải trình lý do Điều chỉnh):

Nội dung dự án sau khi Điều chỉnh (nội dung đăng ký dự án theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và căn cứ Điều chỉnh dự án. Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Thông tư này thì không phải kê khai Mục này):

1. Dự án: Dự án đầu tư xây dựng (tên dự án) thực hiện trên cơ sở hợp đồng (loại hợp đồng) ký kết với (tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), có trụ sở chính tại (địa chỉ trụ sở chính Cơ quan nhà nước có thẩm quyền), (Điện thoại, Fax) đại diện bởi (Họ và tên, chức danh người đại diện ký kết Hợp đồng dự án) theo Giấy ủy quyền (Số Giấy ủy quyền nếu có).

2. Địa Điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa Điểm thực hiện dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu, quy mô dự án; yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình dự án, dịch vụ được cung cấp:

4. Tổng vốn đầu tư, (ghi bằng VNĐ và giá trị tương đương USD) trong đó:

- Vốn chủ sở hữu:

+ Giá trị, tỷ lệ trên tổng vốn đầu tư:

+ Giá trị, tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:

- Vốn do nhà đầu tư huy động:

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có), bao gồm giá trị, tỷ lệ, tiến độ, phương thức và Điều kiện giải ngân:

5. Thời hạn và tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ xây dựng (ghi cụ thể tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng):

- Tiến độ giải phóng mặt bằng: kể từ đến

- Tiến độ xây dựng: kể từ đến

b. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (*ghi cụ thể tiến độ theo phân kỳ đầu tư*):

c. Thời gian kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình:

d. Thời gian chuyển giao công trình (nếu có):

d. Thời gian bảo hành công trình sau khi chuyển giao (nếu có):

6. Điều kiện thực hiện dự án:

- Điều kiện kinh doanh, quản lý, vận hành, khai thác công trình kết cấu hạ tầng (*đối với hợp đồng BOT, BTO, BTL, BLT và các hợp đồng tương tự khác*):

- Điều kiện thực hiện Dự án khác (*đối với hợp đồng BT*), bao gồm Điều kiện sử dụng đất:

- Các nội dung khác:

7. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (nếu có);

II. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ Điều chỉnh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

NHÀ ĐẦU TƯ

(*Từng nhà đầu tư ký và ghi họ tên, chức danh
và đóng dấu, nếu có*)

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao chứng minh thư hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân đối với nhà đầu tư là thể nhân; Giấy tờ chứng thực việc thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là pháp nhân;

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời Điểm đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (*trường hợp chỉ đăng ký thay đổi tên dự án, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin khác liên quan đến nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Thông tư này thì không phải gửi kèm báo cáo này*);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hợp đồng dự án;

- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án);

- Bản sao hợp lệ quyết định Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi Điều chỉnh (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án do Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi);

- Thỏa thuận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án);

- Thỏa thuận về việc tiếp nhận dự án của bên cho vay và bản sao hợp lệ chứng nhận thành lập của bên cho vay hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác (đối với trường hợp bên cho vay tiếp nhận dự án).

THỦ TỤC 5. THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án và giải quyết các thủ tục có liên quan theo thỏa thuận tại hợp đồng dự án;

+ Nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

+ Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hiệu lực nội dung đăng ký đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư.

2. Cách thức thực hiện: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ (01 bộ):

Văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gồm những nội dung về tình hình thực hiện dự án, căn cứ chấm dứt hợp đồng dự án và gửi kèm tài liệu về việc hoàn thành thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án và các thủ tục có liên quan, nhà đầu tư và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Trong thời hạn 16 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 05 ngày nhận được hồ sơ Sở Kế hoạch và Đầu tư trình, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thủ tục hành chính;

- Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hiệu lực nội dung đăng ký đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư.

8. Lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không có.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP;

- Thông tư số 06/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

III. ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU

THỦ TỤC 1. GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Trình tự thực hiện:

- Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

- Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu.

2. Cách thức thực hiện: Gửi đơn kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ (01 bộ):

Đơn kiến nghị nêu rõ nội dung kiến nghị.

4 Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; 05 ngày làm việc

đối với người có thẩm quyền, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Bên mời thầu (cơ quan thuộc Sở được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu) trong trường hợp mua sắm thường xuyên;

- Chủ đầu tư (Sở, cơ quan thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư);

- Người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND tỉnh);

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản giải quyết kiến nghị.

8. Lệ phí, chi phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Đơn kiến nghị là của nhà thầu tham dự thầu;

- Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu, được đóng dấu (nếu có);

- Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị theo quy định tại Điều 92 của Luật Đấu thầu 2013;

- Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà thầu khởi kiện ra Tòa án.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đấu thầu 2013;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

THỦ TỤC 2. GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VỀ KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Trình tự thực hiện:

- Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

- Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời

hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu;

- Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ vào văn bản kiến nghị của nhà thầu đề nghị người có thẩm quyền xem xét, tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày chủ đầu tư, bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng cho đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

- Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện.

3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ (01 bộ): Đơn kiến nghị nêu rõ nội dung kiến nghị.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, đối với chủ đầu tư và bên mời thầu, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu; Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 14 ngày; 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.

5. Cơ quan thực hiện:

- Bên mời thầu (cơ quan thuộc Sở được giao nhiệm vụ làm bên mời thầu) trong trường hợp mua sắm thường xuyên);

- Chủ đầu tư (Sở, cơ quan thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư);

- Người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND tỉnh);

- Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở KHĐT thành lập.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản giải quyết kiến nghị.

8. Lệ phí, chi phí: Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Kiến nghị là của nhà thầu tham dự thầu, gửi đến chủ đầu tư, bên mời thầu trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu, được đóng dấu (nếu có);

- Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị theo quy định tại Điều 92 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà thầu khởi kiện ra Tòa án.

12. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đấu thầu 2013;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu./
